

## PHIẾU HỌC TẬP

**Nhiệm vụ: 1. Tích chọn ( ☒ ) tỉ trọng diện các loại rừng trong tổng diện tích rừng của cả nước.**

**2. Kéo thả các nội dung đã cho dưới đây vào đúng ô vai trò, nơi phân bố của từng loại rừng.**

Bảng: Diện tích rừng nước ta năm 2018 (Đơn vị : triệu ha)

| Rừng sản xuất | Rừng phòng hộ | Rừng đặc dụng | Tổng cộng |
|---------------|---------------|---------------|-----------|
| 7,75          | 4,59          | 2,16          | 14,5      |

|                                                                      |                                                  |                                                                |
|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| - Phân bố rộng khắp ở trung du, miền núi                             | - Rừng đầu nguồn, ven biển.                      | - Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, dân dụng và xuất khẩu. |
| - Bảo vệ hệ sinh thái và các giống loài quý hiếm, phát triển du lịch | - Góp phần hạn chế thiên tai, bảo vệ môi trường. | - Các vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên                    |

|                        | Rừng sản xuất | Rừng phòng hộ | Rừng đặc dụng |
|------------------------|---------------|---------------|---------------|
| Tỉ trọng diện tích (%) |               |               |               |
| Vai trò                |               |               |               |
| Phân bố                |               |               |               |



Hình 9.2. Phân bố lâm nghiệp và thủy sản Việt Nam